TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn K chung sống với nhau và được UBND xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/02/2012. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn K.

Về con chung: Chị X và anh K có 01 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 07/9/2011, giới tính nam. Anh, chị thống nhất và theo nguyện vọng của con là giao cháu L cho chị X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị X không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của anh K theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Chị X và anh K trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nợ chung: Chị X và anh K trình bày là không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị X về việc chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tám ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007770 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, chị X được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho